TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2020
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thanh Giảng.

2. Ông Lê Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 và ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Q, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Danh L, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Dương Thị Q trình bày:

Chị Q với anh Danh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, không tin tưởng lẫn nhau. Chồng thường xuyên bạo lực đánh đập vợ con nên anh, chị không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Dương V, sinh năm:

2009, giới tính nam và Dương Thị Đ, sinh năm: 2011, giới tính nữ. Con Muốn sống với ai là tùy theo nguyện vọng của các cháu, nếu 02 cháu muốn sống với chị thì chị xin nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Còn 02 cháu muốn sống với anh L thì chị cũng đồng ý.

Tại phiên tòa chị Q xin được ly hôn với anh L, đồng ý giao 02 con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

Anh Danh L trình bày:

Về hôn nhân như chị Q trình bày là đúng, hiện tại anh L và chị Q vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống nhiều lần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ có người đàn ông khác, thường xuyên kiếm chuyện gây sự bỏ nhà đi nhiều lần. Anh L cũng đã nhiều lần bỏ qua mong muốn vợ chồng hàn gắn với nhau. Anh L mong muốn vợ quay về chung sống lo cho gia đình vá các con ăn học nên người, anh L không muốn ly hôn. Nhưng nếu chị Q cương quyết ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Như chị Q trình bày là đúng. Hiện tại 02 cháu đang sống cùng anh L. Thu nhập của anh L ổn định từ công việc làm lò vôi, mỗi tháng thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, đủ lo cho cuộc sống của các con và lo cho các cháu được đi học. Chị Q thì thường xuyên bỏ nhà đi, không lo lắng chăm sóc cho các con. Vì vậy anh L xin tiếp tục nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến 02 cháu Dương V và Dương Thị Đ trình bày: Nếu cha, mẹ ly hôn cháu V có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng cha.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Q và ông L là quan hệ vợ chồng, giao 02 con chung cho anh Danh L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc anh L không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con " theo khoản 1 Đ 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Đ 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, giải quyết.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Q và anh Danh L chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cả chị Q và anh L đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và đến nay vẫn không đăng ký hết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị Q và anh L đã vi phạm Đ 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đ 9 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".* Mặt khác, chị Q và anh L là những người có đủ Đ kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Đ 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đ 14 quy định: "*Nam, nữ có đủ Đ kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Đ 15 và Đ 16 của Luật này…".* Chị Q có yêu cầu xin ly hôn nhưng hôn nhân giữa chị Q và anh L không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh L theo quy định tại Đ 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đ 53 quy định: "*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Đ 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Đ 15 và Đ 16 của Luật này."*

[3] Về con chung: Tuy cháu Dương V có nguyện vọng được sống với mẹ là chi Dương Thị Q nhưng xét trên cơ sở hiện tại các cháu đang sống cùng với anh L, được anh L lo cho ăn học từ thu nhập ổn định của mình, còn chị Q thì thường xuyên không có mặt tại địa phương nên không có Đ kiên chăm lo, săn sóc đầy đủ cho các cháu. Xét nguyện vọng được nuôi 02 con của anh L và chị Q cũng đồng ý để anh L tiếp tục nuôi 02 cháu nên Tòa án thấy việc giao 02 cháu Dương V và Dương Thị Đ cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ghi nhận việc anh L không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi 02 con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Do chị Dương Thị Q có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 144, 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị Q và anh Danh L.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Dương V và Dương Thị Đ cho anh Danh L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi 02 con do anh L không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Dương Thị Q phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004469 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên chị Q không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

Nguyễn Văn Pho